

Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày 03-11-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Chất
2. Bà Phạm Thị Yên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xét xử A - Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Trung Đ sinh năm: 1992 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số 27/133 C, phường H, quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; con ông Vũ Văn P - sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị G - sinh năm 1967; gia đình có 03 anh chị em, Đ là thứ hai; chưa có vợ con; tiền án: Tại bản án số 13/2016/HSST ngày 04/02/2016 Tòa án nhân dân quận L, Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 27/6/2017; tạm giam từ ngày 29/6/2017; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Phạm Minh N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 6 B20, tổ dân phố D5, phường C, quận H, Hải Phòng ; vắng mặt

- Anh Trần Minh P, sinh năm 1970 ; địa chỉ : Tổ 12, phường H, quận D, Hải Phòng ; vắng mặt

NHẬN THẤY:

Bị cáo Vũ Trung Đ bị Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10h30' ngày 26/6/2017, Vũ Trung Đ nhận được tin nhắn của Phạm Minh N hỏi mua của Đ 0,5gam ma túy đá và 01 viên ma túy hồng phiến, Đ đồng ý. Đến 12h cùng ngày, Đ đi xe ôm đến khu vực đường tàu T, quận L, Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi nilon kích thước 2x3(cm) bên trong chứa ma túy đá và 01 viên ma túy hồng phiến với giá 250.000đồng. Sau đó, Đ đến ngõ N 2, quận N, Hải Phòng gặp bạn là Trần Minh P mượn xe máy để đi gặp N. Đến 13h10' cùng ngày tại ngõ 639 N, phường Đ, quận H, Hải Phòng, Đ thỏa thuận bán cho N 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. Khi Đ và N đang giao dịch thì bị Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận H, Hải Phòng bắt quả tang, thu giữ trên tay trái của N 01 túi nilon bên trong có tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu đỏ; thu giữ của Đ 300.000 đồng là tiền Đ nhận của N.

Tại Kết luận giám định số 835/PC54(MT) ngày 28/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Túi tinh thể màu trắng và viên nén màu đỏ gửi giám định có Methamphetamine. Khối lượng Methamphetamine có trong 0,2315 gam mẫu vật là 0,1121 gam, là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 67 Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số 28/CT- VKS ngày 09/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng đã truy tố Vũ Trung Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Trung Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với xã hội làm ăn lương thiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng.và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Trung Đ tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Vũ Trung Đ mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và xét hoàn cảnh gia đình bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 niêm phong bằng bì thư bên trong có chứa chất ma túy phần còn lại sau giám định; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL Model 2180 màu đỏ đen thu giữ của Phạm Minh N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL Model V6403 màu hồng và số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vũ Trung Đ; .

Trả lại anh Trần Minh P chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ Biển kiểm soát: 15 L1 – 082.70

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo,

XÉT THÁY:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai của những người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vật chứng thu giữ; Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 13h10' ngày 26/6/2017, tại khu vực ngõ 639 N, phường Đ, quận H, Hải Phòng, Vũ Trung Đ đã có hành vi bán trái phép 0,1121 gam Methamphetamine, là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT: 67 Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ cho Phạm Minh N với giá 300.000đồng, nhằm mục đích thu lợi. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào khối lượng ma túy bị cáo bán cho N và theo hướng dẫn tại điểm a tiết 3.3 mục 3 Phần II của Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ Công an-Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao-Tòa án nhân dân Tối cao-Bộ tư pháp, thì hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" vi phạm khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999.

Viện kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, do vậy cần phải được xử lý nghiêm.

Xét nhân thân của bị cáo thấy có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999..

Căn cứ vào tính chất vụ án, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999, ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Song, xét tính chất, mức độ phạm tội cũng như hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 niêm phong bằng bì thư có dấu niêm phong số 835/C54; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL Model 2180 màu đỏ đen thu giữ của Phạm Minh N; xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ Biển kiểm soát: 15 L1 – 082.70; số tiền 300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL Model V6403 màu hồng thu giữ của Vũ Trung Đ.

Xét niêm phong số 835/C54 thu giữ của Phạm Minh N bên trong có chứa chất ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL Model 2180 màu đỏ đen thu giữ của Phạm Minh N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL Model V6403 màu hồng, số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vũ Trung Đ là công cụ phạm tội và tiền bạc do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại anh Trần Minh P chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ Biển kiểm soát: 15 L1 – 082.70 do không liên quan đến việc phạm tội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có đối tượng là người đang ông bán ma túy cho Vũ Trung Đ, hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên chưa có căn cứ để lập hồ sơ xử lý.

Đối với Phạm Minh N, do lượng ma túy không đủ để xử lý về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N.

Đối với Trần Minh P, khi cho Đ mượn xe máy không biết việc Đ sử dụng chiếc xe đó để đi bán ma túy cho N nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Trung Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999;

Xử phạt bị cáo Vũ Trung Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 niêm phong bằng bì thư số 835/C54; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL Model 2180 màu đỏ đen thu giữ của Phạm Minh N, 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL Model V6403 màu hồng và số tiền 300.000 đồng thu giữ của Vũ Trung Đ.

Trả lại anh Trần Minh P chiếc xe máy nhãn hiệu Jupiter màu đỏ Biển kiểm soát: 15 L1 – 082.70

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/10/2017 và Biên lai thu tiền số 0002506 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng các điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trở lời hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an quận Hải An;
- Phòng PV27 - CA TP Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình

